TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THĂNG BÌNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Phúc

2. Bà Trần Thị Xuân Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 2 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L Th Ng, sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn Tú Hội, xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Ph Ng M, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn Phước An, xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị L Th Ng trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị L Th Ng và anh Ph Ng M tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hải vào năm 2021. Từ sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh M không lo làm ăn, chơi bời, cờ bạc không có trách

nhiệm với vợ con, chị N có khuyên bảo thì bị đánh đập nhiều lần nên sau khi sinh con chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh M.

-Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ph L Th Th, sinh ngày 31/7/2022. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2024, quá trình hòa giải, bị đơn anh Ph Ng M trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh M thừa nhận vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hải vào năm 2021. Sau khi sinh con, vợ chồng không chung sống cùng nhau do chị N không chịu về nhà cha mẹ anh M sinh sống. Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ăn chơi, cờ bạc, kiếm chuyện với vợ con, không có trách nhiệm là không đúng. Anh M vẫn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ph L Th Th, sinh ngày 31/7/2022. Anh M cũng có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; bị đơn không đến tham gia phiên toà là không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh M.

+Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ph L Th Th, sinh ngày 31/7/2022 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập xem xét.

+Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án gồm: Trích lục kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh; Bản sao Căn cước công dân, sổ hộ khẩu của chị N; đơn xác nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ph Ng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph Ng M.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L Th Ng và anh Ph Ng M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hải vào tháng 8/ 2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N vẫn chung sống cùng gia đình anh M cho tới khi sinh con thì về nhà cha mẹ chị N để sinh sống. Mặc dù cả 02 anh chị khai mâu thuẫn nhau về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng từ tháng 8/2022 đến nay cả 02 không có đời sống chung vợ chồng, cả chị N và anh M không ai tích cực hàn gắn mâu thuẫn. Xét thấy, sau khi đăng ký kết hôn, chị N anh M đã có hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau làm cho mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn anh M của chị N.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ph L Th Th, sinh ngày 31/7/2022, cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy, chị N hiện làm công nhân với mức lương bình quân 7.000.000đ/tháng, anh M sức khoẻ không đảm bảo, sống phụ thuộc cha mẹ, không có thu nhập chính, hơn nữa hiện nay cháu Thảo chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần thiết phải giao cho mẹ là chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L Th Ng phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: "Về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị L Th Ng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L Th Ng được ly hôn anh Ph Ng M.

2. Về con chung:

Giao cháu Ph L Th Th, sinh ngày 31/7/2022 cho chị L Th Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L Th Ng cùng các thành viên gia đình không được cản anh Ph Ng M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L Th Ng phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008732 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/3/2025), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND h Thăng Bình;
- THADS h Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Cẩm Nhung